CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG
SOCTRANG SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY
220 National Road 1A, Soctrang Province, Vietnam
Tel : (84) 79. 3822164 - 3821201 - 3822367. Fax : (84) 79. 3821801 - 3823620
Email : stapimex@hcm.vnn.vn Website : www.stapimex.com.vn

Phụ lục số II

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG
Năm báo cáo : 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập : Tiền thân Công ty doanh nghiệp nhà nước và được thành lập từ năm 1978. Đến năm 1993 Công ty đổi tên thành Công Ty Thủy Sản Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp Sóc Trăng. Vào ngày 01/06/2006 Công ty chính thức cổ phần hoá trở thành công ty cổ phần lấy tên là Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Sóc Trăng.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần : Công ty Cổ Phần Thủy Sản Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty thủy sản xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng và chính thức hoạt động theo hình thức cổ phần từ ngày 01/06/2006.

+ Niêm yết : Cổ phiếu công ty chưa niêm yết.

+ Các sự kiện khác : Đăng ký trở thành Công ty đại chúng từ ngày 30/06/2007.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh :

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, kinh doanh một số mặt hàng nông súc sản ;

- Nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu ;

- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh các mặt hàng phục vụ nuôi trồng thủy sản, vận tải hàng hóa đường bộ; Dệt may công nghiệp;

- Kinh doanh nhàhàng, khách sạn, siêu thị;

- Kinh doanh các mặt hàng, ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký phù hợp với qui định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Tình hình hoạt động :

	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
- Sản lượng TP (tấn) :	6.954	6.659	9.365
- Kim ngạch xuất (tr. USD) :	62,29	69,95	77,06
- Lợi nhuận (tỉ đồng) :	25,05	20,02	25,83
- Lao động (người) :	3.461	3.174	2.846

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty : Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỉ suất lợi nhuận tối ưu, nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Tiếp tục đầu tư và nâng cấp nhà xưởng, thiết bị nhằm đáp ứng kịp thời cho chế biến xuất khẩu.
- Mở rộng và nâng cao tỉ trọng các mặt hàng giá trị gia tăng tại hai xí nghiệp chế biến tôm.
- Đầu tư xây dựng khu thương mại dịch vụ tại 77 Lê Lợi, phường 6, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM để huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

Năm 2010 Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận, đạt 25,83 tỉ đồng. Doanh thu tăng trên 19% so với năm 2009. Đến cuối năm 2010, tình hình tài chính của Công ty ổn định, nguồn vốn lưu động luôn đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

	Kế hoạch	**Thực hiện**	**Thực hiện/Kế hoạch**
- Sản lượng sản xuất	8.500 tấn	9.365 tấn	110,17%
- Kim ngạch xuất khẩu	70 triệu USD	77,06 triệu USD	110,09%
- Lợi nhuận	25 tỷ đồng	25,83 tỷ đồng	103,33%
- Cổ tức (dự kiến)	20%	20%	100%
- Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	3.000.000 đ	3.025.000 đ	100,83%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm : /

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai : tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỉ trọng mặt hàng có giá trị cao, đa dạng hóa sản phẩm, đổi mới và nâng cấp trang thiết bị, ổn định chất lượng sản phẩm.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán : Bảng chỉ tiêu tài chính 2010 (kèm theo)
- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : 560,09 tỉ đồng
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : 77,5 tỉ đồng, không có thay đổi.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại : Cổ phiếu thường 7.750.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: Cổ phiếu thường 7.480.500CP
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : 269.500 CP
- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : 2.000 đồng/CP

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Công tác thị trường :

Công ty, trong năm vừa qua đã khá tích cực trong công tác tiếp thị, củng cố khách hàng cũ, tăng cường khai thác khách hàng và thị trường mới, góp phần đưa sản lượng tiêu thụ năm 2010 lên 7.476 tấn tăng 9,36% và kim ngạch đạt 77,06 triệu USD tăng 10,16% so với năm 2009.

2.2. Về chất lượng sản phẩm :

Công tác quản lý chất lượng luôn được quan tâm đúng mức. Tính chuyên nghiệp của hệ thống, phương pháp quản lý được đổi mới cùng với sự đầu tư đúng mức của công ty về thiết bị, đào tạo, bồi dưỡng,... tạo tính ổn định của sản phẩm và bồi đắp thêm niềm tin của khách hàng vào đơn vị.

2.3 Về nhân sự – hành chánh :

Nhằm đảm bảo yêu cầu duy trì và phát triển đơn vị, công ty huy động nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu cho sản xuất, đặc biệt vào cao điểm sản xuất. Tổng số lao động đến cuối năm 2010 là 2.846 người. Trong đó, công nhân là 2.744 người và khối gián tiếp 102 người. Trong năm tổ chức đã bố trí, thay đổi một số vị trí công tác nhằm đáp ứng yêu cầu điều hành trong tình hình mới. Đồng thời, công ty cũng mở nhiều đợt tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ cấp trung, cấp thấp và đưa đi tập huấn một số cán bộ cấp cao.

Ngoài ra, công ty cũng cải tiến công tác tiền lương, tiền thưởng theo hướng khuyến khích người lao động không những quan tâm đến sản lượng, khối lượng công việc mà còn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả của công việc. Hơn nữa, công ty còn cải tiến tiêu chuẩn thi đua theo hướng động viên tính trung thực, năng động, sáng tạo và trách nhiệm của người lao động.

2.4 Về xây dựng cơ bản :

Trong năm đã đầu tư xây dựng Xí nghiệp đông lạnh An Phú 2 với tổng vốn đầu tư 29,2 tỉ đồng, đưa vào hoạt động tháng 06/2010, qua đó đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty .

2.5 Kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2010.

	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch
- Sản lượng sản xuất	8.500 tấn	9.365 tấn	110%
- Kim ngạch xuất khẩu	70 triệu USD	77,06 triệu USD	110%
- Lợi nhuận	25 tỷ đồng	25,83 tỷ đồng	103%
- Cổ tức (dự kiến)	20%	20%	100%
- Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	3.000.000 đ	3.025.000 đ	100,83%

2.6 Một số tồn tại

Bên cạnh những thành tựu và những nguyên nhân đạt được kết quả tốt đẹp năm 2010, Công ty cũng còn những tồn tại, sau đây là một số điểm cơ bản:

-Hệ thống thông tin còn khá nhiều bất cập, đặc biệt là thông tin về thị trường tiêu thụ, thị trường nguyên liệu, tiền tệ và lao động ...mà nguyên nhân chủ yếu là do giới hạn về quy mô của Công ty, về tổ chức bộ máy, về phương pháp thông tin. Điều này ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của các giải pháp như độ chuẩn xác thấp, thiếu tính kịp thời và đầy đủ.

- Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể, nhưng công tác thị trường chưa đáp ứng được yêu cầu tình hình biến động của thị trường thế giới và môi trường trong nước. Công tác này cần được quan tâm đúng mức hơn.

-Việc đa dạng hóa các phương thức thu mua nguyên liệu chưa đạt yêu cầu, các giải pháp nguyên liệu năm 2010 ngày càng bộc lộ tính kém thích ứng với thị trường nguyên liệu.

- Nguồn nhân lực, từ công nhân đến cán bộ, còn bộc lộ nhiều yếu điểm như trình độ, kỹ năng, sức khỏe, phẩm chất ... chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty không ngừng cải tiến trong hoạt động sản xuất nhằm nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm, luôn được khách hàng đánh giá cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

a) Mục tiêu

Thực hiện kế hoạch HĐQT, trên cơ sở thuận lợi và khó khăn, năm 2011, công ty quyết tâm xây dựng mục tiêu :

Tiếp tục phát triển và nâng cao sức cạnh tranh của công ty trên cơ sở tập trung đầu tư nhằm khai thác hết năng lực toàn công ty, đồng thời tiếp tục cải tiến mạnh mẽ công tác

quản lý, điều hành nhằm giữ vững vị trí công ty là một trong năm doanh nghiệp có doanh số xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và tạo điều kiện phát triển trong những năm tới. Xây dựng trụ cột tam giác: Giá cả hợp lý, chất lượng ổn định và cung cấp thường xuyên, giao hàng đúng hạn.

b) Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011

- Sản lượng sản xuất : 9.200 tấn thành phẩm
- Kim ngạch xuất khẩu : 80 triệu USD
- Lợi nhuận : 25 tỷ đồng.
- Trả cổ tức : 20 %
- Lương bình quân : 3 triệu đồng/người/tháng

IV. Báo cáo tài chính năm 2010

Các báo cáo tài chính *đã được kiểm toán* theo qui định của pháp luật về kế toán.

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**404.491.844.024**	**386.566.129.319**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	194.894.216.240	4.162.957.705
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.353.063.156	158.241.826.228
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	72.800.629.633	81.326.516.485
4. Hàng tồn kho	127.691.096.848	139.091.486.347
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.752.838.147	3.743.342.554
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	**160.865.354.249**	**173.524.062.160**
1. Các khoản phải thu dài hạn	-	
2. Tài sản cố định	154.793.705.761	168.340.053.961
- Tài sản cố định hữu hình	123.920.075.585	138.972.497.073
- Tài sản cố định thuê tài chính	-	
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.046.955.717	12.748.454.545
3. Bất động sản đầu tư	-	
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
5. Tài sản dài hạn khác	1.071.648.488	184.008.199
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**565.357.198.273**	**560.090.191.479**
III. Nợ phải trả	**348.378.475.969**	**331.563.925.430**
1. Nợ ngắn hạn	333.776.053.594	317.231.616.815
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.327.735.635	1.591.468.809
2. Nợ dài hạn	14.602.422.375	14.332.308.615

IV. Vốn chủ sở hữu	**216.978.722.304**	**228.526.266.049**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	77.500.000.000	77.500.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	107.650.000.000	107.650.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.759.776.676)	(556.239.635)
- Quỹ đầu tư phát triển	11.230.127.455	13.151.592.276
- Quỹ dự phòng tài chính	6.838.723.319	8.760.188.140
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	
- Nguồn kinh phí	-	
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**565.357.198.273**	**560.090.191.479**

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.314.292.522.338	1.577.330.829.279
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	10.809.236.615	13.359.984.476
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.303.483.285.723	1.563.970.844.803
4. Giá vốn hàng bán	1.225.196.906.217	1.479.601.886.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.286.379.506	84.368.958.046
6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.657.304.896	34.725.239.860
7. Chi phí tài chính	20.859.358.256	14.006.503.664
8. Chi phí bán hàng	48.272.730.976	64.163.320.716
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.856.128.680	15.813.443.455
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.955.466.490	25.110.930.071
11. Thu nhập khác	682.406.829	816.658.255
12. Chi phí khác	614.492.926	95.734.223
13. Lợi nhuận khác	67.913.903	720.924.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.023.380.393	25.831.854.103
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	808.732.187	1.116.128.835
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.214.648.206	24.715.725.268
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.569	3.304

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	28,45	30,98
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,55	69,02
2. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	61,21	59,20
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	38,38	40,80
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	0,78
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,21	1,22
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,40	4,41
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,47	1,58
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,86	10,82

*** Chi tiết Bảng cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính vui lòng xem tại trang web : *www.stapimex.com.vn***

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP.HCM
- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÓC TRĂNG tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- Các nhận xét đặc biệt : Không

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ : Không

- Các nhận xét đặc biệt : Không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Không

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : Không

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty :

Bộ máy quản lý Công ty bao gồm :

* Hội đồng quản trị , gồm 5 thành viên :

- Hà Hữu Tri : Chủ tịch
- Tạ Văn Vững : Phó chủ tịch
- Trần Văn Phẩm : thành viên
- Nguyễn Văn Mạng : thành viên
- Phạm Thanh Phong : thành viên

* Ban Tổng giám đốc, gồm 4 thành viên :

- Trần Văn Phẩm : Tổng giám đốc
- Hà Hữu Tri : Phó tổng giám đốc
- Nguyễn Văn Mạng : Phó tổng giám đốc
- Tạ Văn Vững : Phó tổng giám đốc

* Các phòng và Xí nghiệp , bao gồm :

- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng tổ chức hành chánh
- Phòng Đầu tư nuôi trồng thủy sản
- Phòng Kỹ thuật
- 02 xí nghiệp chế biến tôm xuất khẩu .

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

STT	Họ Tên	Năm sinh	Trình độ	Kinh nghiệm công tác	Chức vụ HĐQT	Quản lý
1	Hà Hữu Tri	1959	Cử nhân QTKD	Làm việc tại Cty từ 1977	Chủ tịch HĐQT	Phó TGĐ
2	Trần Văn Phẩm	1967	Thạc sỹ quản trị KD	Làm việc tại Cty từ 1990	Thành viên HĐQT	Tổng giám đốc
3	Tạ Văn Vững	1971	Thạc sỹ quản trị KD	Làm việc tại Cty từ 1993	P.Chủ tịch HĐQT	Phó TGĐ
4	Nguyễn Văn Mạng	1967	KS Hoá, cử nhân Luật	Làm việc tại Cty từ 1994	Thành viên HĐQT	Phó TGĐ
5	Phạm Thanh Phong	1961	TC Quản lý H.chánh	Làm việc tại Cty từ 1984	Thành viên HĐQT	P. phòng TCHC

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : Không thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

+ Số lượng cán bộ, nhân viên : 2.846 người, trong đó thời vụ : 1.501 người

+ Thu nhập bình quân: 3.025.000 đồng/ người/ tháng

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng :

+ Ban kiểm soát : Giảm 1 thành viên - bà Nguyễn Thị Kim Chi

+ Ban Giám đốc : Tăng 1 Phó Tổng giám đốc – ông Tạ Văn Vững

+ Kế toán trưởng : Thay đổi ông Tạ Văn Vững lên Phó Tổng giám đốc; bà Âu Châu Phượng phó phòng kế toán lên thay Kế toán trưởng.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

- Hoạt động của HĐQT: (Theo báo cáo hoạt động SXKD của HĐQT)

- Hoạt động của Ban kiểm soát : (Kèm báo cáo hoạt động của BKS)

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty : Thường xuyên cải tiến công tác quản lý, không ngừng đào tạo và nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý Công ty, bên cạnh đó luôn chú trọng công tác tuyển dụng lực lượng lao động có trình độ cao. Công ty không ngừng cải tiến và hoàn thiện các qui trình quản lý, phân công phân nhiệm rõ ràng kết hợp với việc nâng cấp hệ thống cung cấp thông tin, kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống quản lý tài chính.

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát :

+ Thù lao của các thành viên HĐQT:

Hà Hữu Tri - Chủ tịch	:	10.000.000 đồng/tháng.
Tạ Văn Vững - Phó chủ tịch	:	6.000.000 đồng/tháng.
Trần Văn Phẩm - thành viên	:	5.000.000 đồng/tháng.
Nguyễn Văn Mạng - thành viên	:	5.000.000 đồng/tháng.
Phạm Thanh Phong - thành viên	:	5.000.000 đồng/tháng.

Tổng mức thù lao của hội đồng quản trị năm 2010 là: 372.000.000 đồng

+ Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát:

Nguyễn Văn Tân - Trưởng ban	:	2.000.000 đồng/người/ tháng.
Âu Châu Phượng - Thành viên	:	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Nguyễn T Kim Chi - Thành viên	:	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Trần Văn Bằng - Thành viên	:	1.500.000 đồng/người/ tháng.
Nguyễn Đăng Khoa - Thành viên	:	1.500.000 đồng/người/ tháng.

Tổng mức thù lao của ban Kiểm soát năm 2010 là : 85.500.000 đồng

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông:

2.1. Cổ đông Nhà nước

Tổng số cổ đông công ty là : 208 cổ đông, nắm giữ 7.480.500 CP

Trong đó : Tổ chức : 09 cổ đông, nắm giữ 5.874.980 cổ phần

Cá nhân : 199 cổ đông, nắm giữ 1.605.520 cổ phần

* Tổng công ty đầu tư và KD vốn nhà nước (SCIC) nắm giữ : 2.695.000 CP, chiếm 34,77% vốn điều lệ .

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

* Quỹ ĐT chứng khoán Sài Gòn A2 :1.017.979 CP, chiếm 13,14% vốn điều lệ Công ty. Địa chỉ : Lầu 8, Toà nhà Sài Gòn Ingot, Số 63 Phạm Ngọc Thạch, Q3, TPHCM. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính.

* Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam : nắm giữ 770.000 CP, chiếm 9,94% vốn điều lệ Công ty . Địa chỉ : Lầu 10 Cao ốc văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính.

* Tổng Công ty tài chính CP dầu khí Việt Nam – CN Thành Phố HCM : 531.021CP, chiếm 6,85% vốn điều lệ Công ty. Địa chỉ : 208 Nguyễn Trãi, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 , TP Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh : Đầu tư tài chính .

2.2. Cổ đông sáng lập :

Cổ đông sáng lập của Công ty là Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Địa chỉ : 15A Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nắm giữ : 2.695.000 CP, chiếm 34,77% vốn điều lệ Công ty .

Công ty cổ phần thủy sản Sóc Trăng xin công bố kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và định hướng kinh doanh trong thời gian tới đến toàn bộ quý cổ đông và khách hàng, Công ty rất mong được sự góp ý của tất cả cổ đông để giúp Hội đồng quản trị, Ban điều hành triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN SÓC TRĂNG

HÀ HỮU TRI